

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2019.

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;

2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:
Không tham gia.

Vào ngày 10/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2019; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 09/8/2019 và tại phiên toà chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh P tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1996. Đến năm năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định(theo giấy chứng nhận kết hôn số: 299 ngày 07/8/2002). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 2 đứa con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2002. Từ năm 2009, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, luôn cự cãi nhau, nguyên nhân là do anh P có quan hệ bất chính, không lo gì cho cuộc sống gia đình, dẫn đến chị và anh P ly thân với nhau và từ năm 2009 anh P bỏ

nhà đi cho đến nay không rõ tung tích và cũng không biết địa chỉ ở đâu, chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh P mất tích và đã được Tòa án giải quyết xong.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh năm 1996, Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2002, đối với cháu S hiện nay đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng, có khả năng lao động tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T hiện nay đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P đúng theo quy định, nhưng anh P vắng mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M với anh Nguyễn Thanh P là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, dẫn đến anh P bỏ nhà đi từ năm 2009 cho đến nay, không rõ tung tích và địa chỉ ở đâu. Chị M đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh P mất tích, hiện nay quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P đúng theo quy định, nhưng anh P vẫn không có mặt theo thông báo của Tòa án. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh P là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị M và anh P có sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2002, đối với cháu S hiện nay đã trưởng thành, đã lập gia đình riêng có khả năng lao động tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T hiện nay đang sống với chị M, khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con chung. Tại phiên toà, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2002, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh P bỏ nhà đi từ năm 2009 cho đến nay, con chung của chị M và anh P do chị M nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị M vẫn đảm bảo cho cháu T có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, nghĩ nên tiếp tục giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh P được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị M trình bày, chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của chị M và anh P trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M đối với anh Nguyễn Thanh P, theo giấy chứng nhận kết hôn số 299, ngày 07/8/2002 của UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Thanh P tên Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2002, cho chị M nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh P không cấp dưỡng nuôi con, do chị M không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000533 ngày 25/6/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã P;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ